

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 – 4 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 – 6 |
| Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán | 07 – 46 |
| <i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> | <i>07 – 10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2025</i> | <i>12 – 13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025</i> | <i>14 – 45</i> |
| <i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i> | <i>46</i> |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B.C.H (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần B.C.H hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0800286887 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 được Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 500.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2025: 500.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại : 02203.560.641
Fax : 02203.560.642
Mã số thuế : 0 8 0 0 2 8 6 8 8 7

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 46).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào quan trọng phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Phạm Bá Phú | Chủ tịch |
| Ông Đặng Ngọc Hưng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Tổng Thắng | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|-------------------|
| Ông Đặng Ngọc Hưng | Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thu Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Đặng Thị Tuyết Dung | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|--------------------|----------------|
| Ông Lê Thanh Tuấn | Trưởng ban |
| Ông Vũ Văn Dương | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Linh | Thành viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Xác nhận của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458 và thửa đất số 462 địa chỉ Km77+500, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng. Yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đã đang từng bước đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh thương mại giúp cho Công ty vẫn đứng vững trên thị trường với doanh thu năm 2025 là 6.371.002.871.476 VND. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên cho vay trong năm. Do vậy, vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức độ ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Ban Lãnh đạo Công ty cam kết sẽ hỗ trợ tài chính đối với các khoản nợ phải trả đến hạn (nếu cần). Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Lê Thu Phương

Theo giấy ủy quyền số 01/UQ-B.C.H ngày 01/01/2026

11:51:53 11:51:53 11:51:53

Số : 3008.01.04/2025/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc**
Công ty Cổ phần B.C.H

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần B.C.H được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026 từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần B.C.H chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần B.C.H tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.6 vấn đề sau:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458 và thửa đất số 462 địa chỉ Km77+500, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng. Yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đã đang từng bước đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh thương mại giúp cho Công ty vẫn đứng vững trên thị trường với doanh thu năm 2025 là 6.371.002.871.476 VND. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên cho vay trong năm. Do vậy, vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức độ ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Ban Lãnh đạo Công ty cam kết sẽ hỗ trợ tài chính đối với các khoản nợ phải trả đến hạn (nếu cần). Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính hợp nhất của Chúng tôi đã nêu trên đây.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

Nguyễn Thị Thúy

GCNĐKHNKT số: 6229-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.396.015.758.624 | 2.553.862.521.772 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 54.171.337.757 | 11.912.626.013 |
| 1. Tiền | 111 | | 54.171.337.757 | 11.912.626.013 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 20.236.953.487 | 142.766.953.487 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2b | 10.470.000.000 | 133.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 805.655.323.040 | 573.394.328.987 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 848.010.685.037 | 523.600.201.616 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 47.617.518.193 | 118.611.895.902 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 35.856.978.052 | 14.678.786.656 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (125.829.858.242) | (83.496.555.187) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.7 | 1.498.604.381.857 | 1.720.469.712.590 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.504.752.330.453 | 1.720.970.168.861 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (6.147.948.596) | (500.456.271) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 17.347.762.483 | 105.318.900.695 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 9.412.638.584 | 15.814.099.064 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 84.580.640.816 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.15 | 7.935.123.899 | 4.924.160.815 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ B, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.102.487.447.692 | 1.361.508.674.101 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 22.537.669.933 | 22.537.669.933 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 22.537.669.933 | 22.537.669.933 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.032.190.775.925 | 1.281.705.979.808 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 1.030.969.939.837 | 1.280.110.444.300 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 2.286.368.472.516 | 2.729.109.250.119 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (1.255.398.532.679) | (1.448.998.805.819) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 1.220.836.088 | 1.595.535.508 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 4.147.741.000 | 3.972.741.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (2.926.904.912) | (2.377.205.492) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 5.444.450.232 | 27.500.583.608 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 5.444.450.232 | 27.500.583.608 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 42.314.551.602 | 29.764.440.752 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 41.344.237.713 | 28.334.379.861 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.12 | 970.313.889 | 1.430.060.891 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.498.503.206.316 | 3.915.371.195.873 |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.548.430.435.701 | 3.415.756.601.306 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.231.430.435.701 | 2.994.756.601.306 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 828.298.540.678 | 779.036.367.197 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.14 | 130.857.265 | 559.465.894 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 11.212.759.410 | 599.079.533 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 11.862.127.380 | 10.844.548.829 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 2.648.072.003 | 61.291.959.940 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17 | 2.640.573.150 | 1.559.967.960 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 1.374.526.249.122 | 2.140.753.955.260 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 111.256.693 | 111.256.693 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 317.000.000.000 | 421.000.000.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 317.000.000.000 | 421.000.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngô Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 950.072.770.615 | 499.614.594.567 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | 950.072.770.615 | 499.614.594.567 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 500.000.000.000 | 190.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 500.000.000.000 | 190.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 139.500.000.000 | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 310.572.770.615 | 309.614.594.567 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 309.614.594.567 | 359.734.926.006 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 958.176.048 | (50.120.331.439) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.498.503.206.316 | 3.915.371.195.873 |

Người lập biểu



Đặng Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng



Đặng Thị Tuyết Dung

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Lê Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ B, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 6.381.521.926.936 | 5.567.860.349.708 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 197.165.000 | 39.043.767.577 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 6.381.324.761.936 | 5.528.816.582.131 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 6.143.820.624.050 | 5.359.019.797.751 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 237.504.137.886 | 169.796.784.380 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 24.474.719.281 | 8.329.262.261 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 147.441.737.467 | 162.101.389.525 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 141.437.733.865 | 147.740.528.203 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 14.902.659.214 | 3.345.699.253 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 100.224.673.629 | 61.532.917.954 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (590.213.143) | (48.853.960.091) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 35.412.239.299 | 1.528.678.796 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 31.334.674.698 | 3.932.025.203 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 4.077.564.601 | (2.403.346.407) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.487.351.458 | (51.257.306.498) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 2.069.428.408 | 293.085.832 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 459.747.002 | (1.430.060.891) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 958.176.048 | (50.120.331.439) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 958.176.048 | (50.120.331.439) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | 30 | (2.638) |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 30 | (2.638) |

Người lập biểu

Đặng Thị Thu Hòa

Kế toán trưởng

Đặng Thị Tuyết Dung

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Lê Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ B, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số | Năm | |
|--|--------------|------------------------|----------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 3.487.351.458 | (51.257.306.498) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 146.009.351.667 | 148.334.570.451 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 47.980.795.380 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (288.177.848) | (35.242.348) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (6.579.369.732) | (6.756.097.623) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 141.437.733.865 | 147.740.528.203 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 332.047.684.790 | 238.026.452.185 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (153.607.931.566) | 187.441.966.746 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 216.217.838.408 | (1.193.241.406.373) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 2.850.958.817 | (758.883.814.837) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (6.608.397.372) | 20.688.066.379 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (168.004.552.460) | (117.189.759.530) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | - | (41.498.907) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 222.895.600.617 | (1.623.199.994.337) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (24.293.375.454) | (27.530.172.727) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 132.724.223.859 | 150.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (400.470.000.000) | (160.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 523.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 9.138.992.712 | 6.673.735.551 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 240.099.841.117 | (80.706.437.176) |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngô Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|--------------|-------------|--------------------------|----------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 449.500.000.000 | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 3.081.776.829.961 | 3.094.039.575.043 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (3.952.004.536.099) | (2.416.280.064.620) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (420.727.706.138) | 677.759.510.423 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 42.267.735.596 | (1.026.146.921.090) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 11.912.626.013 | 1.038.024.304.755 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (9.023.852) | 35.242.348 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 54.171.337.757 | 11.912.626.013 |

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Đặng Thị Thu Hòa

Đặng Thị Tuyết Dung



CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần B.C.H hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0800286887 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 được Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp ngày 31 tháng 07 năm 2025.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 500.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2025: 500.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại : 02203.560.641

Fax : 02203.560.642

Mã số thuế : 0 8 0 0 2 8 6 8 8 7

3. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, sản xuất, dịch vụ

4. **Ngành nghề kinh doanh** :

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

+ Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu phôi thép và các sản phẩm về thép;

+ Sản xuất, mua bán, gia công kim loại, các sản phẩm từ kim loại;

+ Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, mangan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực);

+ Kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ cân thuê hàng hóa;

+ Mua bán ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình;

+ Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;

+ Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;

+ Sản xuất, mua bán giày dép, nguyên liệu giày dép;

+ Sản xuất, mua bán hàng nông, lâm, thủy, hải sản./.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

6. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Ngành nghề kinh doanh | Tỷ lệ vốn góp thực tế | Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD |
|------------------------------------|---|--------------------------|-----------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang | Khu Công nghiệp Long Bình An, Phường Bình Thuận, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam | Sản xuất Sắt, Thép, Gang | 100% | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

8. Đặc điểm hoạt động của công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất

Ngày 25 tháng 03 năm 2025, Nghị quyết hội đồng quản trị Công ty thông qua việc chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458 và thửa đất số 462 địa chỉ Km77+500, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng. Theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê số 25.03.2025/HĐCNTS/BCH-HG-1 ký ngày 25/03/2025, giá trị tài sản mua bán 98.230.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT) và Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê số 25.03.2025/HĐCNTS/BCH-HG-2 ký ngày 09/05/2025, giá trị tài sản mua bán 83.270.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT). Đến ngày 12/09/2025, Công ty đã hoàn thành công tác bàn giao toàn bộ các tài sản nêu trên cho bên mua là Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hoàng Gia.

9. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty có 896 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 902 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần B.C.H (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 25.910 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Việt Nam là 26.270 VND/USD.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ B, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tr này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 02 – 25 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 07 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 05 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm là:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí khai khoáng mỏ

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc đảm bảo mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn khai thác là 11 năm.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

22. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngô Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 3.252.148.098 | 7.518.452.108 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 50.919.189.659 | 4.394.173.905 |
| Cộng | <u>54.171.337.757</u> | <u>11.912.626.013</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**a) Chứng khoán kinh doanh**

| | <u>Số cuối năm</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|----------|-----------------------------|-----------------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 | - | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 | - | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 | - |
| Cộng | <u>9.766.953.487</u> | <u>9.766.953.487</u> | - | <u>9.766.953.487</u> | <u>9.766.953.487</u> | - |

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 10.470.000.000 | 10.470.000.000 | 133.000.000.000 | 133.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | - | - | 91.000.000.000 | 91.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên (2) | 10.470.000.000 | 10.470.000.000 | 42.000.000.000 | 42.000.000.000 |
| Cộng | <u>10.470.000.000</u> | <u>10.470.000.000</u> | <u>133.000.000.000</u> | <u>133.000.000.000</u> |

Là Hợp đồng tiền gửi số tiền 10.470.000.000 VND của Công ty đang được thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên (Xem chi tiết thuyết minh số V.18).

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>187.212.314.733</i> | <i>405.088.927.118</i> |
| Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng | 187.212.314.733 | 405.088.927.118 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>660.798.370.304</i> | <i>118.511.274.498</i> |
| Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi | 76.103.062.353 | 76.103.062.353 |
| Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên | 312.650.876.180 | 5.906.576.849 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản NIKKO Việt Nam | 94.505.164.217 | |
| Các khách hàng khác | 177.539.267.554 | 36.501.635.296 |
| Cộng | <u>848.010.685.037</u> | <u>523.600.201.616</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>47.617.518.193</i> | <i>118.611.895.902</i> |
| Công ty cổ phần khoáng nghiệp và thương mại Thuận Thông Đạt | 21.800.501.943 | 21.800.501.943 |
| Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Yên | 11.107.137.272 | 11.107.137.272 |
| Công ty CP Thương mại và khai thác khoáng sản Dương Hiếu | - | 67.238.672.060 |
| Các nhà cung cấp khác | 14.709.878.978 | 18.465.584.627 |
| Cộng | <u>47.617.518.193</u> | <u>118.611.895.902</u> |

5. Phải thu khác**a. Phải thu khác ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>16.408.777.430</i> | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 16.408.777.430 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>19.448.200.622</i> | <i>14.678.786.656</i> |
| Tạm ứng | 2.866.168.787 | 174.999.408 |
| Lãi tiền gửi | 407.211.289 | 1.943.010.045 |
| Ký cược, ký quỹ | 5.274.307.135 | 828.569.820 |
| Phải thu chiết khấu thương mại | 2.427.257.900 | 4.829.062.670 |
| Đỗ Thị Tuyết Chinh - Đền bù tài sản | 3.122.445.000 | 3.122.445.000 |
| Trần Thị Kim Oanh - Đền bù tài sản | 1.955.509.800 | 1.955.509.800 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 3.395.300.711 | 1.825.189.913 |
| Cộng | <u>35.856.978.052</u> | <u>14.678.786.656</u> |

b. Phải thu khác dài hạn

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 915.676.438.480 | - | 1.332.684.569.849 | (500.456.271) |
| Công cụ, dụng cụ | 3.710.039.850 | - | 10.612.100.506 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | - | 39.696.556 | - |
| Thành phẩm | 260.818.526.486 | - | 89.101.063.902 | - |
| Hàng hóa | 324.547.325.637 | (6.147.948.596) | 288.532.738.048 | - |
| Cộng | 1.504.752.330.453 | (6.147.948.596) | 1.720.970.168.861 | (500.456.271) |

8. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 7.979.740.347 | 14.357.015.153 |
| Chi phí bảo hiểm | 702.900.103 | 995.887.631 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 729.998.134 | 461.196.280 |
| Cộng | 9.412.638.584 | 15.814.099.064 |

b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê lập báo cáo | 1.032.372.348 | 466.856.077 |
| Công cụ dụng cụ | 22.097.123.253 | 14.772.738.904 |
| Tiền thuê đất | 2.412.846.923 | 2.419.705.504 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 15.801.895.189 | 10.675.079.376 |
| Cộng | 41.344.237.713 | 28.334.379.861 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|------|------|
| | trúc | kiến | | | | khác | Cộng | |
| Nguyên giá | | | | | | | | |
| Số đầu năm | 958.456.439.397 | 1.721.674.060.388 | 32.141.859.768 | 14.572.518.298 | 2.264.372.268 | 2.729.109.250.119 | | |
| Tăng trong năm | 10.470.605.083 | 56.139.306.229 | 191.775.000 | 4.217.996.121 | - | 71.019.682.433 | | |
| Mua trong năm | - | 4.075.610.000 | 64.850.000 | 36.111.111 | - | 4.176.571.111 | | |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 10.470.605.083 | 52.063.696.229 | 126.925.000 | 4.181.885.010 | - | 66.843.111.322 | | |
| Thanh lý, nhượng bán | (124.350.517.315) | (378.849.949.231) | (9.574.445.590) | (985.547.900) | - | (513.760.460.036) | | |
| Số cuối năm | 844.576.527.165 | 1.398.963.417.386 | 22.759.189.178 | 17.804.966.519 | 2.264.372.268 | 2.286.368.472.516 | | |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 2.607.703.336 | 24.476.138.277 | 17.724.853.269 | 8.241.602.152 | 1.656.541.668 | 54.706.838.702 | | |
| Giá trị hao mòn | | | | | | | | |
| Số đầu năm | 449.259.636.079 | 957.113.556.057 | 30.032.092.964 | 10.671.053.189 | 1.922.467.530 | 1.448.998.805.819 | | |
| Khấu hao trong năm | 43.669.562.390 | 99.384.440.252 | 760.636.393 | 1.569.034.372 | 75.978.840 | 145.459.652.247 | | |
| Thanh lý, nhượng bán | (96.770.141.717) | (231.729.790.180) | (9.574.445.590) | (985.547.900) | - | (339.059.925.387) | | |
| Số cuối năm | 396.159.056.752 | 824.768.206.129 | 21.218.283.767 | 11.254.539.661 | 1.998.446.370 | 1.255.398.532.679 | | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | | |
| Số đầu năm | 509.196.803.318 | 764.560.504.331 | 2.109.766.804 | 3.901.465.109 | 341.904.738 | 1.280.110.444.300 | | |
| Số cuối năm | 448.417.470.413 | 574.195.211.257 | 1.540.905.411 | 6.550.426.858 | 265.925.898 | 1.030.969.939.837 | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngô Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.512.544.745.099 VND và 620.536.052.720 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trong năm 2025, công ty đã chuyển nhượng toàn bộ dây chuyền sản xuất phối thép và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458 và thửa đất số 462 địa chỉ Km77+500, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng.

10. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền khai thác mô | Chương trình phần mềm | Cộng |
|--|-------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 2.140.779.000 | 1.831.962.000 | 3.972.741.000 |
| Mua trong năm | - | 175.000.000 | 175.000.000 |
| Số cuối năm | 2.140.779.000 | 2.006.962.000 | 4.147.741.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 367.562.000 | 367.562.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.848.854.601 | 528.350.891 | 2.377.205.492 |
| Khấu hao trong năm | 194.832.756 | 354.866.664 | 549.699.420 |
| Số cuối năm | 2.043.687.357 | 883.217.555 | 2.926.904.912 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 291.924.399 | 1.303.611.109 | 1.595.535.508 |
| Số cuối năm | 97.091.643 | 1.123.744.445 | 1.220.836.088 |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Chi phí phát | | | | Số cuối năm |
|--|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| | Số đầu năm | sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐHH | Kết chuyển vào TSCĐVH | |
| Mua sắm tài sản cố định | 4.747.100.000 | 10.737.679.820 | (12.130.256.010) | (175.000.000) | 3.179.523.810 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 22.753.483.608 | 28.173.558.498 | (48.662.115.684) | - | 2.264.926.422 |
| Hạng mục sửa chữa dây truyền cán thanh 2024 | 22.753.483.608 | 14.430.427.111 | (37.183.910.719) | - | - |
| Hệ thống nước thải sinh hoạt nhà máy Gang thép | - | 1.986.223.148 | (1.986.223.148) | - | - |
| Mua sắm thiết bị dây truyền sản xuất Quặng quã băng | - | 2.876.454.500 | (2.876.454.500) | - | - |
| Hệ thống chống sét tiền đạo và lan truyền | - | 4.181.885.010 | (4.181.885.010) | - | - |
| Cải tạo, mở rộng kho chứa Nguyên liệu xường Luyện Gang | - | 2.433.642.307 | (2.433.642.307) | - | - |
| Dự án đầu tư Quy hoạch Xưởng Tuyển và gia hạn GP Mỏ Cây nhãn | - | 2.264.926.422 | - | - | 2.264.926.422 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | - | 6.050.739.628 | (6.050.739.628) | - | - |
| Cộng | 27.500.583.608 | 44.961.977.946 | (66.843.111.322) | (175.000.000) | 5.444.450.232 |

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ liên quan đến lãi nội bộ trong hàng tồn kho, chi tiết:

| | Năm nay |
|---------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 1.430.060.891 |
| Phát sinh trong năm | 970.313.889 |
| Hoàn nhập trong năm | (1.430.060.891) |
| Số cuối năm | 970.313.889 |

13. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả các bên liên quan | 32.387.244.134 | 32.387.244.134 | 272.624.048.610 | 272.624.048.610 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 32.387.244.134 | 32.387.244.134 | 272.624.048.610 | 272.624.048.610 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 795.911.296.544 | 795.911.296.544 | 506.412.318.587 | 506.412.318.587 |
| Công ty Cổ phần Thương mại & Khai thác Khoáng sản Dương Hiếu | 380.491.149.930 | 380.491.149.930 | 203.857.591.092 | 203.857.591.092 |
| Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên | 233.085.043.477 | 233.085.043.477 | 227.540.945.491 | 227.540.945.491 |
| DAO FORTUNE (HONG KONG) CO., LIMITED | 113.267.545.239 | 113.267.545.239 | - | - |
| Các nhà cung cấp khác | 69.067.557.898 | 69.067.557.898 | 75.013.782.004 | 75.013.782.004 |
| Cộng | 828.298.540.678 | 828.298.540.678 | 779.036.367.197 | 779.036.367.197 |

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 130.857.265 | 559.465.894 |
| Các khách hàng khác | 130.857.265 | 559.465.894 |
| Cộng | 130.857.265 | 559.465.894 |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|--------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Giảm khác | Phải nộp |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 3.000.000.000 | 29.054.462.643 | (17.375.791.204) | - | 8.678.671.439 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 11.252.607.476 | (11.252.607.476) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 103.413.075 | 2.069.428.408 | - | - | 2.069.428.408 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 599.079.533 | - | 6.870.888.445 | (7.005.308.415) | - | 464.659.563 |
| Thuế tài nguyên | - | 1.820.747.740 | 248.631.531 | (232.144.701) | - | 1.804.260.910 |
| Tiền thuế đất | - | - | 473.143.446 | (536.560.258) | - | 63.416.812 |
| Thuế nhà thầu | - | - | 2.737.520.920 | (1.243.691.420) | (7.457.862.602) | 5.964.033.102 |
| Các loại thuế khác | - | - | 3.055.734.175 | (3.055.734.175) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 31.660.488 | (31.660.488) | - | - |
| Cộng | 599.079.533 | 4.924.160.815 | 55.794.077.532 | (40.733.498.137) | (7.457.862.602) | 11.212.759.410 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 1.958.146.411 | 60.985.966.990 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 689.925.592 | 305.992.950 |
| Cộng | <u>2.648.072.003</u> | <u>61.291.959.940</u> |

17. Phải trả khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tài sản thừa chờ giải quyết | - | 10.661.334 |
| Kinh phí công đoàn | 27.239.771 | 70.239.771 |
| Bảo hiểm xã hội | - | 5.266.104 |
| Bảo hiểm y tế | - | 1.174.708 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 588.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 740.000.000 | 840.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.873.333.379 | 632.038.043 |
| Cộng | <u>2.640.573.150</u> | <u>1.559.967.960</u> |

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.270.526.249.122 | 1.270.526.249.122 | 1.436.753.955.260 | 1.436.753.955.260 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Thái Nguyên | - | - | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV-Hải Dương | - | - | 79.953.961.827 | 79.953.961.827 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Nam Thái Nguyên (1) | 1.270.526.249.122 | 1.270.526.249.122 | 1.306.799.993.433 | 1.306.799.993.433 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | - | - | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| Excel Pearl (HONGKONG) Limited | - | - | 600.000.000.000 | 600.000.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b) | <u>104.000.000.000</u> | <u>104.000.000.000</u> | <u>104.000.000.000</u> | <u>104.000.000.000</u> |
| Cộng | <u>1.374.526.249.122</u> | <u>1.374.526.249.122</u> | <u>2.140.753.955.260</u> | <u>2.140.753.955.260</u> |

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/3971222/HĐTD ngày 29 tháng 04 năm 2025. Hạn mức tín dụng tối đa là 1.400.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 29/04/2026, lãi suất cho vay quy định theo từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm:

+ Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số CG 617642, số vào sổ cấp GCN: CT 40173 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 20/06/2017 cho Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang tại Khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang.

+ Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số CM 918034, số vào sổ cấp GCN: CT 04779 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 20/03/2019 cho Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang tại Khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số CT 779236, số vào sổ cấp GCN: CT 04925 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 24/08/2020 cho Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang tại Khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang.

+ Là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất số BT 161056, số vào sổ cấp GCN: CT 04098 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 25/11/2016 cho Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang tại Khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, TP Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang.

+ Là các Tài sản thuộc "Dự án đầu tư nhà máy sản xuất phôi thép" tại Khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Nhà kho chứa nguyên liệu thô; Trạm xử lý nước 1-2; Phòng trực xưởng cơ khí cán thép; Nhà kho chứa thép thành phẩm 1-2; Cán số 3; Nhà trạm cán 3; Văn phòng triết khí oxy; Kho trấu; Phòng trực lọc bụi túi vải; Nhà cán số 2; Cán số 2; Trạm bơm nước trung tâm; Bể chứa, bể lọc; Trạm điện 4; Nhà chuyên gia số 1-2-3-4; Bể lắng S21; Nhà khoang si; Phòng điện điều khiển số 1; Lọc bụi số 1-2-3; Bể chứa 2; Kho nguyên liệu thiêu kết; Văn phòng cán thép; Kho vật tư 1; Trạm điện trung tâm; Tháp phân lưu; Nhà xưởng oxy 1-2; Trạm điều áp; Phòng tăng thể tích; Trạm bơm nước khu cán; Phòng máy bơm nước; bể lắng S14; Nhà trạm điện khu cán S22; Trạm điện 1 S23; Nhà xưởng luyện thép, cán thép S24; Nhà văn phòng luyện thép; Kho thép phế liệu; Khu ép bùn 1-2; Trạm bơm khu luyện thép S34-S35; Nhà kho thu hồi quặng; Nhà cán số 4; cán số 4; Trạm bơm nước xưởng xi; Trạm nghiền S137; Phòng trực điện khi trạm nghiền; Trạm nghiền 2.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 544.734.000.000 đồng.

+ Là các Máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải thuộc sở hữu công ty có giá trị thể chấp là 1.439.521.000.000 đồng.

+ Là các khoản phải thu của Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang hình thành có giá trị thể chấp là 449.000.000.000 đồng.

+ Là hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu công ty có giá trị thể chấp là 1.299.000.000.000 đồng.

+ Là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.436.753.955.260 | 3.081.776.829.961 | - | (3.248.004.536.099) | 1.270.526.249.122 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 600.000.000.000 | - | - | (600.000.000.000) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 104.000.000.000 | - | 104.000.000.000 | (104.000.000.000) | 104.000.000.000 |
| Cộng | 2.140.753.955.260 | 3.081.776.829.961 | 104.000.000.000 | (3.952.004.536.099) | 1.374.526.249.122 |

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn ngân hàng | | | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên (2) | 317.000.000.000 | 317.000.000.000 | 421.000.000.000 | 421.000.000.000 |
| Cộng | 317.000.000.000 | 317.000.000.000 | 421.000.000.000 | 421.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngô Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(2) Là khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- CN Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 02/2023/1949269/HĐTD ký ngày 25/12/2023, thời hạn cho vay 72 tháng. Tổng số dư khoản vay được rút tối đa là 600.000.000.000 VND và không vượt quá 60% giá mua phần vốn chuyên nhượng theo Hợp đồng mua bán phần vốn giữa Công ty CP B.C.H và tập đoàn Hengxing Công ty Excel Pearl (Hong Kong) và Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang và bảo lãnh được phát hành tối đa 650.000.000.000 VND. Mục đích vay vốn mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty Excel Pearl (Hong Kong) tại Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang và phát hành bảo lãnh thanh toán liên quan đến việc mua lại phần vốn kể trên. Lãi suất cho vay hiện tại là 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bởi các hợp đồng cầm cố, thế chấp cụ thể:

- Hợp đồng Thế chấp Động sản và Quyền Tài sản số 01/2023/1949269/HĐTC ký ngày 25/12/2023 giữa Công ty Cổ phần B.C.H và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tài sản thế chấp là Toàn bộ quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản (hiện đang tồn tại hoặc sẽ được hình thành trong tương lai) thuộc Dự án mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty Excel Pearl (Hong Kong) tại Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang. Giá trị tài sản thế chấp là 1.200.000.000.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2023/12024075/HĐBĐ ký ngày 21/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 03, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 474050 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 01/08/2013 thuộc sở hữu của Công ty CP Thương mại Thái Hưng. Giá trị tài sản thế chấp là 55.050.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Kết chuyển sang vay ngắn hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-----------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 421.000.000.000 | (104.000.000.000) | - | 317.000.000.000 |
| Cộng | 421.000.000.000 | (104.000.000.000) | - | 317.000.000.000 |

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|---------------------------|--------------------|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 111.256.693 | - | - | 111.256.693 |
| Cộng | 111.256.693 | - | - | 111.256.693 |

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|---------------------------|-------------------------|---|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 190.000.000.000 | - | 359.734.926.006 | 549.734.926.006 |
| Lãi trong năm trước | - | - | (50.120.331.439) | (50.120.331.439) |
| Số dư cuối năm trước | 190.000.000.000 | - | 309.614.594.567 | 499.614.594.567 |
| Số dư đầu năm nay | 190.000.000.000 | - | 309.614.594.567 | 499.614.594.567 |
| Tăng vốn trong năm (*) | 310.000.000.000 | 139.500.000.000 | - | 449.500.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 958.176.048 | 958.176.048 |
| Số dư cuối năm | 500.000.000.000 | 139.500.000.000 | 310.572.770.615 | 950.072.770.615 |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần B.C.H. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần B.C.H bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 2.

Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 55/BCH ngày 14 tháng 04 năm 2025 của Công ty Cổ phần B.C.H tổng hợp kết quả chào bán 31.000.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán; Giá bán bình quân gia quyền: 14.500 đồng/cổ phiếu. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 449.500.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> |
|--------------------------------------|------------------------|--------------|------------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 97.317.000.000 | 19,46% | 18.674.000.000 | 9,83% |
| Các cổ đông khác | 402.683.000.000 | 80,54% | 171.326.000.000 | 90,17% |
| Cộng | 500.000.000.000 | 100% | 190.000.000.000 | 100,00% |

c) Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 50.000.000 | 19.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 50.000.000 | 19.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.000.000 | 19.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 50.000.000 | 19.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 50.000.000 | 19.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a, Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 41.774,50 | 38.989,39 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.563.269.381.283 | 2.112.375.014.783 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 3.807.733.490.193 | 3.439.928.241.026 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 10.519.055.460 | 15.557.093.899 |
| Cộng | 6.381.521.926.936 | 5.567.860.349.708 |

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng | 2.625.948.362.220 | (*) |

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|---------------------------|------------------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 197.165.000 | 10.082.344.895 |
| Chiết khấu thương mại | - | 28.961.422.682 |
| Cộng | <u>197.165.000</u> | <u>39.043.767.577</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.500.281.372.571 | 2.040.007.440.121 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 3.598.192.107.456 | 3.290.689.753.980 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 9.735.664.079 | 28.322.603.650 |
| Chi phí gián đoạn ngừng sản xuất | 29.963.987.619 | - |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 5.647.492.325 | - |
| Cộng | <u>6.143.820.624.050</u> | <u>5.359.019.797.751</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 7.603.193.956 | 6.713.923.069 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 174.570.047 | 1.579.927.050 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 288.177.848 | 35.242.348 |
| Lãi quá hạn thanh toán | 16.408.777.430 | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | - | 169.794 |
| Cộng | <u>24.474.719.281</u> | <u>8.329.262.261</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 141.437.733.865 | 147.740.528.203 |
| Chi phí LC, bảo lãnh, lãi trả chậm | 5.896.869.622 | 14.055.838.120 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 514.041 | 61.949.650 |
| Chi phí tài chính khác | 106.619.939 | 243.073.552 |
| Cộng | <u>147.441.737.467</u> | <u>162.101.389.525</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 800.642.485 | 935.662.872 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.880.737.135 | 956.280.009 |
| Các chi phí khác | 5.221.279.594 | 1.453.756.372 |
| Cộng | <u>14.902.659.214</u> | <u>3.345.699.253</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ B, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 30.461.905.039 | 33.433.258.027 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 2.885.244.543 | 3.463.771.144 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 107.647.488 | 59.224.750 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.933.348.546 | 11.371.621.547 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.424.613.048 | 2.766.274.265 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | 42.333.303.055 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.789.229.998 | 3.426.509.856 |
| Các chi phí khác | 6.289.381.912 | 7.012.258.365 |
| Cộng | <u>100.224.673.629</u> | <u>61.532.917.954</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 586.363.636 |
| Thu nhập thuế nhà thầu từ lãi vay được miễn | 7.457.862.602 | - |
| Thu nhập từ miễn lãi vay | 27.654.807.587 | - |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 180.840.000 | 290.358.875 |
| Các khoản thu nhập khác | 118.729.110 | 651.956.285 |
| Cộng | <u>35.412.239.299</u> | <u>1.528.678.796</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 1.023.824.224 | - |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 27.688.991.922 | 749.816.916 |
| Chi phí trả trước trong giai đoạn dừng sản xuất | 1.020.372.100 | 751.678.098 |
| Chi phí bảo hiểm của người Trung Quốc | - | 707.883.224 |
| Chi phí khác | 1.601.486.452 | 1.722.646.965 |
| Cộng | <u>31.334.674.698</u> | <u>3.932.025.203</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.487.351.458 | (51.257.306.498) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 100.227.917.239 | 97.698.662.466 |
| Chi phí lãi vay không được trừ | 100.227.917.239 | 99.731.593.049 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ, Chi phí trả trước trong giai đoạn ngừng sản xuất | 50.748.056.883 | 70.272.759.464 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 23.069.231.344 | 18.930.693.009 |
| Chi phí khác không được trừ | 27.688.991.922 | 749.816.916 |
| Lãi/lỗ do hợp nhất | 1.020.372.100 | 2.628.019.205 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (2.298.735.010) | 7.150.304.455 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước | - | (2.032.930.583) |
| Thu nhập chịu thuế | 103.715.268.697 | 46.441.355.968 |
| Lỗi các năm trước được chuyển | (93.368.126.658) | (46.441.355.968) |
| Thu nhập tính thuế | 10.347.142.039 | |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 2.069.428.408 | - |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 293.085.832 |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.069.428.408 | 293.085.832 |

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 958.176.048 | (50.120.331.439) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 958.176.048 | (50.120.331.439) |
| | 32.325.275 | 19.000.000 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 30 | (2.638) |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 19.000.000 | 19.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | 13.325.275 | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 32.325.275 | 19.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.193.923.025.802 | 2.679.340.032.039 |
| Chi phí nhân công | 160.838.492.032 | 311.904.662.898 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 146.009.351.667 | 148.334.570.451 |
| Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi | 42.333.303.055 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 337.364.908.716 | 265.073.403.928 |
| Chi phí khác | 25.295.399.174 | 15.543.663.201 |
| Cộng | <u>3.905.764.480.446</u> | <u>3.420.196.332.517</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Bù trừ công nợ phải trả lãi vay và phải thu tiền thuế với Công ty hữu hạn Xingbao | 4.806.194.397 | - |
| Chi phí lãi vay được miễn | 27.654.807.587 | - |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|-----------------|------------------|
| Ông Đặng Ngọc Hưng | | |
| Ủy quyền mở sổ tiết kiệm | 200.000.000.000 | - |
| Thu tiền từ ủy quyền mở sổ tiết kiệm | 200.000.000.000 | - |

Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Ông Đặng Ngọc Hưng – Tổng Giám đốc | 202.120.368 | 190.325.715 |
| Bà Lê Thu Phương – Phó Tổng Giám đốc | 282.802.072 | 279.341.717 |
| Bà Đặng Thị Tuyết Dung – Kế toán trưởng | 144.415.000 | 97.068.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng | | |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i> | 2.904.493.198.442 | (*) |
| <i>Thu tiền bán hàng</i> | 2.276.257.192.000 | (*) |
| <i>Phải trả tiền mua hàng, cung cấp dịch vụ</i> | 2.230.589.651.495 | (*) |
| <i>Trả tiền bán hàng</i> | 1.624.713.837.144 | (*) |
| <i>Bù trừ công nợ phải thu phải trả</i> | 846.112.618.827 | (*) |
| <i>Phải thu tiền lãi chậm trả</i> | 16.408.777.430 | (*) |

(*) Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng tại thời điểm 31/12/2025 trở thành bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3, V.5a, V.13./.

2. Thông tin về bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực thương mại
- + Lĩnh vực sản xuất
- + Lĩnh vực dịch vụ (vận chuyển)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾ
 Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bê, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Năm nay | Lĩnh vực thương mại | Lĩnh vực dịch vụ | Lĩnh vực sản xuất | Cộng |
|---|----------------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 2.563.072.216.283 | 10.519.055.460 | 3.807.733.490.193 | 6.381.324.761.936 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | 2.563.072.216.283 | 10.519.055.460 | 3.807.733.490.193 | 6.381.324.761.936 |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | (2.505.928.864.896) | (9.735.664.079) | (3.598.192.107.456) | (6.113.856.636.431) |
| Chi phí kinh doanh theo bộ phận | | | 267.468.125.505 | |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | | | (145.091.320.462) | |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | 122.376.805.043 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 24.474.719.281 | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | (147.441.737.467) | |
| Chi phí tài chính | | | 35.412.239.299 | |
| Thu nhập khác | | | (31.334.674.698) | |
| Chi phí khác | | | (2.069.428.408) | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (459.747.002) | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | 958.176.048 | |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | (87.369.193.263) | |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | (171.230.138.021) | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | | |

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.374.526.249.122 | 317.000.000.000 | - | 1.691.526.249.122 |
| Phải trả người bán | 828.298.540.678 | - | - | 828.298.540.678 |
| Các khoản phải trả khác | 17.150.772.533 | - | - | 17.150.772.533 |
| Cộng | <u>2.219.975.562.333</u> | <u>317.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>2.536.975.562.333</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 2.140.753.955.260 | 421.000.000.000 | - | 2.561.753.955.260 |
| Phải trả người bán | 779.036.367.197 | - | - | 779.036.367.197 |
| Các khoản phải trả khác | 73.696.476.729 | - | - | 73.696.476.729 |
| Cộng | <u>2.993.486.799.186</u> | <u>421.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>3.414.486.799.186</u> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 54.171.337.757 | 11.912.626.013 | 54.171.337.757 | 11.912.626.013 |
| Chứng khoán kinh doanh | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 | 9.766.953.487 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 10.470.000.000 | 133.000.000.000 | 10.470.000.000 | 133.000.000.000 |
| Phải thu khách hàng | 771.809.953.984 | 447.399.470.563 | 771.809.953.984 | 447.399.470.563 |
| Các khoản phải thu khác | 52.540.709.968 | 31.362.518.572 | 52.540.709.968 | 31.362.518.572 |
| Cộng | 898.758.955.196 | 633.441.568.635 | 898.758.955.196 | 633.441.568.635 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 1.691.526.249.122 | 2.561.753.955.260 | 1.691.526.249.122 | 2.561.753.955.260 |
| Phải trả người bán | 828.298.540.678 | 779.036.367.197 | 828.298.540.678 | 779.036.367.197 |
| Các khoản phải trả khác | 17.150.772.533 | 73.696.476.729 | 17.150.772.533 | 73.696.476.729 |
| Cộng | 2.536.975.562.333 | 3.414.486.799.186 | 2.536.975.562.333 | 3.414.486.799.186 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đang sử dụng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Thái Nguyên (xem thuyết minh số V.18b).

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thanh lý toàn bộ dây chuyền sản xuất phôi thép và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458 và thửa đất số 462 địa chỉ Km77+500, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng. Yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên Công ty đã đang từng bước đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh thương mại giúp cho Công ty vẫn đứng vững trên thị trường với doanh thu năm 2025 là 6.371.002.871.476 VND. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Thái Nguyên cho vay trong năm. Do vậy, vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức độ ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Ban Lãnh đạo Công ty cam kết sẽ hỗ trợ tài chính đối với các khoản nợ phải trả đến hạn (nếu cần). Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

7. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H

Địa chỉ: Số 26, Ngõ Bệ, Phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Đặng Thị Thu Hòa

Đặng Thị Tuyết Dung

Lê Thu Phương

Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---------------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự Phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự Phòng |
| Phải thu ngắn hạn khác | | 5.853.938.017 | (5.853.938.017) | | 5.853.938.017 | (5.853.938.017) |
| Trần Thị Kim Oanh | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 1.955.509.800 | (1.955.509.800) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 1.955.509.800 | (1.955.509.800) |
| Đỗ Thị Tuyết Chinh | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 3.122.445.000 | (3.122.445.000) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 3.122.445.000 | (3.122.445.000) |
| Các đối tượng khác | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 775.983.217 | (775.983.217) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 775.983.217 | (775.983.217) |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | 76.200.731.053 | (76.200.731.053) | | 76.200.731.053 | (76.200.731.053) |
| Công ty cổ phần luyện gang Vạn Lợi | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 76.103.062.353 | (76.103.062.353) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 76.103.062.353 | (76.103.062.353) |
| Công ty Cổ phần Gang thép Thanh Hóa | Quá hạn trên 3 năm | 97.668.700 | (97.668.700) | Quá hạn trên 3 năm | 97.668.700 | (97.668.700) |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 43.775.189.172 | (43.775.189.172) | | 43.775.189.172 | (1.441.886.117) |
| Công ty Cổ phần Hà Quang | Quá hạn trên 3 năm | 273.767.593 | (273.767.593) | Quá hạn trên 3 năm | 273.767.593 | (136.883.797) |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Tân Liên Thành | Quá hạn trên 3 năm | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) | Quá hạn trên 3 năm | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vạn tài Tuấn Vinh | Quá hạn trên 3 năm | 1.016.674.400 | (1.016.674.400) | Quá hạn trên 3 năm | 1.016.674.400 | (305.002.320) |
| Công ty Cổ phần Khoáng nghiệp và thương mại Thuận Thông Đạt | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 21.800.501.943 | (21.800.501.943) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 21.800.501.943 | - |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Yên | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 11.107.137.272 | (11.107.137.272) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 11.107.137.272 | - |
| Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Bất động sản Anh Thăng | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 3.708.362.265 | (3.708.362.265) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 3.708.362.265 | - |
| Công ty Cổ phần Dầu tư Đài Bắc TNKS | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 3.966.878.379 | (3.966.878.379) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 3.966.878.379 | - |
| Công ty Cổ phần Việt Nam Trung Hoa | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 901.867.320 | (901.867.320) | Công nợ khó có khả năng thu hồi | 901.867.320 | - |
| Cộng | | 125.829.858.242 | (125.829.858.242) | | 125.829.858.242 | (83.496.555.187) |